SAO LỤC; VĂN PHÒNG; 29/10/2026; 10:38:34 +07:00

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 87 /2026/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 11001
Ngày: 16/10/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT Đ.T.Đức	X	
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KTGS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX	X	
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCC		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

THÔNG TƯ

Quy định khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho giảng viên cao đẳng, giáo viên trung cấp và giáo viên trung học nghề dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành (sau đây gọi chung là giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp); tiêu chuẩn cơ sở thực hiện bồi dưỡng và đánh giá; đánh giá kết quả bồi dưỡng, đánh giá trực tiếp và công nhận năng lực thực hành nghề; cấp và quản lý Chứng chỉ năng lực thực hành nghề; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp; người có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên có nguyện vọng trở thành giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành.

2. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện bồi dưỡng, đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề theo quy định tại Thông tư này.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp quản lý, sử dụng giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

5. Thông tư này không áp dụng đối với việc bồi dưỡng, đánh giá năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giảng dạy các ngành, nghề hoặc các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh và sức khỏe. Việc bồi dưỡng, đánh giá năng lực thực hành nghề đối với các trường hợp này được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Năng lực thực hành nghề* là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật theo yêu cầu của ngành, nghề, trình độ đào tạo, vị trí việc làm và điều kiện thực tiễn.

2. *Chứng chỉ năng lực thực hành nghề* là chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp cho người hoàn thành chương trình bồi dưỡng và đạt yêu cầu đánh giá kết quả bồi dưỡng hoặc người đạt yêu cầu đánh giá trực tiếp theo quy định tại Thông tư này; là căn cứ xác nhận người được cấp chứng chỉ đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục đích ban hành khung chương trình bồi dưỡng

1. Làm căn cứ thống nhất để cơ quan quản lý nhà nước chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát và bảo đảm chất lượng hoạt động bồi dưỡng, đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề; đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2. Làm cơ sở để cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình bồi dưỡng chi tiết; biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, phê duyệt giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, học liệu; tổ chức bồi dưỡng, đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề phù hợp với từng ngành, nghề, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

Chương II
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ

Điều 5. Đối tượng bồi dưỡng

Đối tượng bồi dưỡng năng lực thực hành nghề theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi chung là người học) bao gồm:

1. Giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo để dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 22 Luật Giáo dục nghề nghiệp và chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hành nghề phù hợp với trình độ giảng dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Người có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, thuộc ngành đào tạo hoặc nhóm ngành đào tạo phù hợp với ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề và có nguyện vọng trở thành giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành.

Điều 6. Mục tiêu chương trình bồi dưỡng

Chương trình bồi dưỡng được xây dựng nhằm cập nhật, hoàn thiện và chuẩn hóa năng lực thực hành nghề cho người học; bảo đảm đạt chuẩn đầu ra quy định tại Điều 7 Thông tư này, đáp ứng yêu cầu dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong giáo dục nghề nghiệp và gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp của từng ngành, nghề.

Điều 7. Chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng

Sau khi hoàn thành chương trình bồi dưỡng, người học phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng cốt lõi và các công việc chuyên môn, kỹ thuật chủ yếu của ngành, nghề quy định trong chuẩn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho từng lĩnh vực, nhóm ngành, nghề hoặc ngành, nghề đặc thù tương ứng. Trường hợp ngành, nghề chưa có chuẩn chương trình đào tạo thì áp dụng tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp hoặc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia tương ứng. Trường hợp chưa có chuẩn, tiêu chuẩn nêu trên, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xác định kỹ năng cốt lõi căn cứ vào chương trình đào tạo trình độ cao đẳng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghề nghiệp đang áp dụng và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề, bảo đảm có căn cứ xác định, đánh giá và công nhận mức độ đạt chuẩn đầu ra.

2. Vận dụng đúng kiến thức chuyên môn, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ và thiết bị của ngành, nghề để thực hiện các công việc chuyên môn và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống kỹ thuật, sự cố phát sinh trong quá trình thực hành nghề.

3. Hướng dẫn người học thao tác đúng quy trình kỹ thuật, thực hiện thành thạo các kỹ năng cốt lõi và công việc chuyên môn chủ yếu của ngành, nghề theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và nơi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

4. Thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng

yêu cầu chuyển đổi xanh và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hành nghề.

5. Thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật lao động, trách nhiệm nghề nghiệp và tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình thực hành nghề.

6. Chủ động cập nhật công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, kỹ thuật mới; tự học, tự bồi dưỡng và phát triển năng lực thực hành nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, nghề và thị trường lao động.

Điều 8. Cấu trúc chương trình bồi dưỡng

Cấu trúc chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề được thiết kế theo các mô-đun, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên ngành, nghề bồi dưỡng và mã ngành, nghề.

2. Đối tượng tham gia và yêu cầu đầu vào.

3. Mục tiêu chương trình bồi dưỡng.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng.

5. Thời lượng chương trình bồi dưỡng.

6. Danh mục các mô-đun bồi dưỡng.

7. Phân bổ thời lượng của từng mô-đun.

8. Nội dung chi tiết từng mô-đun, bao gồm:

a) Tên mô-đun;

b) Vị trí, tính chất mô-đun;

c) Thời lượng mô-đun;

d) Mục tiêu mô-đun;

đ) Nội dung mô-đun;

e) Điều kiện thực hiện mô-đun;

g) Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập;

h) Hướng dẫn thực hiện mô-đun.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Điều 9. Thời lượng chương trình bồi dưỡng

1. Thời lượng chương trình bồi dưỡng được xác định trên cơ sở yêu cầu về năng lực thực hành nghề, khối lượng kỹ năng cốt lõi quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này và nội dung, thời lượng đào tạo thực hành các kỹ năng tương ứng trong chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành hoặc ngành phù hợp.

2. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định tổng thời lượng chương trình bồi dưỡng căn cứ vào nội dung chương trình, đối tượng bồi dưỡng và yêu cầu của

từng ngành, nghề; bảo đảm thời lượng thực hành đối với các kỹ năng trong chương trình bồi dưỡng tối thiểu bằng 50% phần chênh lệch giữa thời lượng thực hành của các kỹ năng đó theo quy định tại khoản 1 Điều này và thời lượng đào tạo thực hành các kỹ năng tương ứng trong chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành hoặc ngành phù hợp.

Điều 10. Nội dung chương trình bồi dưỡng

1. Nội dung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề được xây dựng trên cơ sở các kỹ năng cốt lõi quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này và bao gồm các nhóm kỹ năng, nội dung cốt lõi sau:

a) Nhóm kỹ năng thực hiện quy trình chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và tổ chức thực hiện công việc theo yêu cầu của ngành, nghề;

b) Nhóm kỹ năng sử dụng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, công cụ, hệ thống kỹ thuật, công nghệ và phần mềm chuyên dụng phục vụ hoạt động nghề nghiệp;

c) Nhóm kỹ năng chẩn đoán, đánh giá, phát hiện, phòng ngừa và xử lý các tình huống, sự cố hoặc rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện công việc nghề nghiệp;

d) Nhóm kỹ năng ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phần mềm chuyên dụng và nền tảng số trong hoạt động nghề nghiệp và tổ chức đào tạo, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng;

đ) Nhóm kỹ năng giao tiếp, tư vấn, phục vụ khách hàng hoặc người sử dụng dịch vụ trong hoạt động nghề nghiệp;

e) Nhóm kỹ năng tổ chức, quản lý, phối hợp làm việc và kiểm soát chất lượng trong quá trình thực hiện công việc nghề nghiệp;

g) Nhóm nội dung về an toàn, vệ sinh lao động, an toàn sinh học, kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn thực phẩm đối với ngành, nghề có liên quan, bảo vệ môi trường, phát triển xanh và phát triển bền vững trong hoạt động nghề nghiệp;

h) Nhóm nội dung thực hành tổng hợp và xử lý các tình huống nghề nghiệp gắn với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp hoặc cơ sở sử dụng lao động.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất và yêu cầu của từng ngành, nghề, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được tự chủ lựa chọn, thiết kế và cụ thể hóa các nhóm kỹ năng, nội dung cốt lõi quy định tại khoản 1 Điều này để xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp, bảo đảm đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình, yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động và sự phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ của ngành, nghề.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

Điều 11. Nguyên tắc xây dựng chương trình bồi dưỡng

1. Chương trình bồi dưỡng được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra quy định tại Điều 7 Thông tư này và chuẩn nghề nghiệp giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm người học sau khi hoàn thành chương trình bồi dưỡng có năng lực thực hiện và hướng dẫn thực hiện các công việc chuyên môn, kỹ thuật cốt lõi của ngành, nghề.

2. Bảo đảm gắn với yêu cầu thực tiễn của sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động; có cơ chế định kỳ rà soát, cập nhật chương trình bồi dưỡng với sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia ngành, nghề, nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu, người có kỹ năng nghề cao; kịp thời tích hợp công nghệ, thiết bị, quy trình kỹ thuật tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, yêu cầu về chuyển đổi số và phát triển xanh của ngành, nghề.

3. Tăng cường thực hành nghề, trải nghiệm nghề nghiệp; gắn với doanh nghiệp trong tổ chức bồi dưỡng, ưu tiên thực hành, thực tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp phù hợp.

4. Bảo đảm tính mở, linh hoạt và liên thông; công nhận và kế thừa kết quả học tập, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp người học đã tích lũy; không trùng lặp với nội dung đào tạo thực hành và kỹ năng nghề trong chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành hoặc ngành phù hợp.

Điều 12. Yêu cầu đối với chương trình bồi dưỡng

1. Tên chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề phải phù hợp với danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Chương trình bồi dưỡng phải bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, tính thực tiễn và phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ của ngành, nghề đào tạo.

3. Chương trình bồi dưỡng được thiết kế theo mô-đun; nội dung và thời lượng các mô-đun, bài học được phân bổ hợp lý, bảo đảm đạt mục tiêu và yêu cầu năng lực nghề nghiệp.

4. Chương trình bồi dưỡng được xây dựng theo hướng tiếp cận chuẩn trình độ đào tạo nghề tiên tiến của khu vực và quốc tế, phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, nghề và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Điều 13. Phương pháp xây dựng chương trình bồi dưỡng

1. Việc xây dựng chương trình bồi dưỡng được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh các kỹ năng cốt lõi quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này với nội dung đào tạo thực hành, kỹ năng nghề tương ứng trong chương trình đào tạo trình độ đại học cùng ngành hoặc ngành phù hợp.

2. Trên cơ sở kết quả đối chiếu, so sánh, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xác định khoảng trống về năng lực thực hành nghề của người học làm căn cứ thiết kế

chương trình bồi dưỡng chi tiết nhằm bổ sung, hoàn thiện và chuẩn hóa năng lực thực hành nghề cho người học; bảo đảm không trùng lặp các nội dung đào tạo thực hành, kỹ năng nghề đã được đào tạo ở trình độ đại học.

Điều 14. Tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu

1. Xây dựng chương trình bồi dưỡng chi tiết

Người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giao đơn vị chuyên môn chủ trì hoặc quyết định thành lập Tổ biên soạn để xây dựng chương trình bồi dưỡng chi tiết, biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu đối với từng ngành, nghề trên cơ sở khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề quy định tại Chương II của Thông tư này.

2. Thành lập Hội đồng thẩm định

Người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng năng lực thực hành nghề và học liệu đối với từng ngành, nghề. Thành viên Hội đồng thẩm định không được đồng thời là thành viên Tổ biên soạn, không trực tiếp chỉ đạo hoặc tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu của ngành, nghề được thẩm định.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên, trong đó:

a) Đại diện lãnh đạo, giảng viên, nhà khoa học hoặc chuyên gia của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có chuyên môn phù hợp với ngành, nghề được thẩm định;

b) Các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người có kỹ năng nghề cao hoặc nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu trong ngành, nghề tương ứng đang trực tiếp làm việc hoặc hoạt động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp. Thành viên quy định tại điểm này phải chiếm tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng thẩm định.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định

a) Thẩm định chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu trên cơ sở khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề quy định tại Chương II của Thông tư này;

b) Đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu đối với mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, nội dung, thời lượng, phương pháp tổ chức bồi dưỡng và phương thức đánh giá kết quả học tập theo quy định của Thông tư này;

c) Kết luận thông qua hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu; lập biên bản thẩm định và kiến nghị người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xem xét, quyết định phê duyệt, ban hành hoặc tổ chức hoàn thiện các nội dung này theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

5. Phê duyệt và ban hành chương trình bồi dưỡng chi tiết

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định phê duyệt và ban hành chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu để tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng chương trình bồi dưỡng, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu do cơ sở ban hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng

1. Mở lớp bồi dưỡng và tổ chức giảng dạy

a) Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng hằng năm đã được phê duyệt, người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mở lớp và tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này;

b) Quy mô lớp bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy mô lớp học đối với lớp học thực hành nhằm bảo đảm chất lượng bồi dưỡng năng lực thực hành nghề và an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thực hành, thực tập.

2. Miễn, giảm mô-đun bồi dưỡng

a) Trước khi tổ chức bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức đánh giá, đối chiếu kết quả học tập, năng lực nghề nghiệp và kinh nghiệm nghề nghiệp đã tích lũy của người học với yêu cầu của từng mô-đun trong chương trình bồi dưỡng để làm căn cứ quyết định miễn, giảm mô-đun; bảo đảm người học không phải học lại nội dung, kỹ năng nghề đã được đào tạo hoặc tích lũy trong quá trình học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp;

b) Người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định giao đơn vị chuyên môn hoặc thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá, đối chiếu hồ sơ năng lực của người học theo quy định tại điểm a khoản này và quyết định việc miễn, giảm mô-đun bồi dưỡng trên cơ sở kết quả đánh giá, đối chiếu.

3. Tổ chức và quản lý quá trình bồi dưỡng

a) Chương trình bồi dưỡng được tổ chức theo hình thức trực tiếp. Nội dung thực hành, thực tập và việc đánh giá năng lực thực hành nghề được thực hiện tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp với ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng, bảo đảm các điều kiện theo quy định;

b) Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm quản lý quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng của người học; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập định kỳ

và đánh giá kết thúc khóa bồi dưỡng; quản lý, lưu trữ hồ sơ khóa bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với doanh nghiệp

Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chủ động phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp để tổ chức cho người học trực tiếp thực hành, thực tập, trải nghiệm công nghệ, thiết bị và quy trình sản xuất mới; phối hợp quản lý và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành, thực tập của người học; bảo đảm các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tiêu chuẩn cơ sở thực hiện bồi dưỡng và đánh giá

1. Đội ngũ giảng viên bồi dưỡng và thành viên Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề

a) Có đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng; trong đó giảng viên cơ hữu, giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên hợp đồng toàn thời gian phải đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình bồi dưỡng của ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng;

b) Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn sau: có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề bồi dưỡng; đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm và năng lực thực hành nghề để giảng dạy trình độ cao đẳng theo quy định của pháp luật; có ít nhất 03 năm (36 tháng) trực tiếp giảng dạy thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ cao đẳng, hoặc có ít nhất 03 năm (36 tháng) trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp với ngành, nghề bồi dưỡng;

c) Thành viên Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề được bồi dưỡng hoặc tập huấn về nghiệp vụ đánh giá theo quy định và thuộc một trong các trường hợp sau: đáp ứng tiêu chuẩn của giảng viên tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng quy định tại điểm b khoản này; hoặc là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người có kỹ năng nghề cao, nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu phù hợp với ngành, nghề bồi dưỡng, đánh giá và có ít nhất 05 năm (60 tháng) trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp.

2. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Có phòng thực hành, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm hoặc địa điểm thực hành phù hợp thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; bảo đảm đủ máy móc, thiết bị, dụng cụ, phần mềm chuyên dụng, nguyên vật liệu và các điều kiện cần thiết để tổ chức bồi dưỡng, đánh giá năng lực thực hành nghề; đáp ứng quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và phù hợp với công nghệ, thiết bị đang được sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp tương ứng với ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng và đánh giá.

3. Chương trình, giáo trình, học liệu và công cụ đánh giá

a) Có chương trình bồi dưỡng chi tiết phù hợp với ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng, được xây dựng, thẩm định và ban hành trên cơ sở khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề quy định tại Chương II của Thông tư này; có giáo trình, tài liệu bồi dưỡng và học liệu được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định và phê duyệt theo quy định, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề; được cập nhật phù hợp với quy trình, công nghệ và yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động nghề nghiệp phù hợp;

b) Có ngân hàng đề đánh giá năng lực thực hành nghề được xây dựng, thẩm định và phê duyệt trên cơ sở chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng quy định tại Điều 7 Thông tư này; hoặc được quyền khai thác, sử dụng hợp pháp ngân hàng đề đánh giá của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác.

Điều 17. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

1. Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng được thực hiện thông qua đánh giá kết quả học tập của từng mô-đun và đánh giá kết thúc chương trình bồi dưỡng; bảo đảm đánh giá khách quan, chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra về năng lực thực hành nghề của người học theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng được thực hiện bằng đề đánh giá từ ngân hàng đề đánh giá năng lực thực hành nghề của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; thông qua các hình thức: bài kiểm tra thực hành kỹ năng, đánh giá sản phẩm thực hành, đánh giá hồ sơ năng lực thực hành nghề nghiệp hoặc các hình thức đánh giá khác phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề.

3. Giảng viên trực tiếp giảng dạy lớp bồi dưỡng thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của từng mô-đun theo quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

4. Đánh giá kết thúc chương trình bồi dưỡng

a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề đối với từng ngành, nghề tổ chức bồi dưỡng hoặc tổ chức đánh giá trực tiếp theo từng đợt đánh giá. Hội đồng đánh giá có 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

b) Thành viên Hội đồng đánh giá bao gồm giảng viên của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người có kỹ năng nghề cao hoặc nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu đang làm việc hoặc hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với ngành, nghề bồi dưỡng, đánh giá. Trong đó thành viên là chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải chiếm tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng;

c) Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề có nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học khi kết thúc chương trình bồi dưỡng đối với một hoặc nhiều lớp bồi dưỡng trong cùng ngành, nghề và tổ chức đánh giá trực

tiếp theo quy định tại Điều 18 Thông tư này để báo cáo người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xem xét, công nhận kết quả.

5. Việc tổ chức đánh giá và xử lý kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện như sau:

a) Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề tổ chức đánh giá khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên tham gia, trong đó phải có Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

b) Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề thực hiện đánh giá theo các tiêu chí, yêu cầu quy định tại Thông tư này và quy chế đánh giá của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Người được đánh giá được kết luận "Đạt" khi đáp ứng các tiêu chí đánh giá hoặc đạt điểm theo quy định và được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng tham gia đánh giá nhất trí;

c) Kết quả đánh giá được lập thành biên bản, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản đánh giá kết luận đạt, người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá. Việc cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề cho người đạt yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 18. Đánh giá trực tiếp và công nhận năng lực thực hành nghề

1. Giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp và người có nguyện vọng trở thành giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Thông tư này không tham gia chương trình bồi dưỡng được tham gia đánh giá trực tiếp và công nhận năng lực thực hành nghề tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 Thông tư này khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có văn bằng tốt nghiệp chuyên môn phù hợp với ngành, nghề được đánh giá theo quy định của pháp luật;

b) Có thời gian giảng dạy hoặc làm việc thực tế phù hợp với ngành, nghề được đánh giá, thuộc một trong các trường hợp sau: có ít nhất 03 năm (36 tháng) trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành; hoặc có ít nhất 03 năm (36 tháng) trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp.

2. Nội dung đánh giá trực tiếp được xác định trên cơ sở chuẩn đầu ra quy định tại Điều 7 Thông tư này và được cụ thể hóa phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề, tập trung vào các năng lực sau:

a) Năng lực thực hiện các công việc, quy trình kỹ thuật cốt lõi của ngành, nghề theo chuẩn đầu ra và yêu cầu năng lực nghề nghiệp tương ứng;

b) Khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn, công nghệ và thiết bị để xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh trong quá trình thực hành nghề;

c) Năng lực hướng dẫn thực hiện quy trình, thao tác kỹ thuật, các kỹ năng cốt lõi và công việc chuyên môn chủ yếu của ngành, nghề;

d) Khả năng tuân thủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, tác phong công nghiệp và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình thực hành nghề.

3. Việc đánh giá trực tiếp được thực hiện bằng đề đánh giá từ ngân hàng đề đánh giá năng lực thực hành nghề của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; thông qua một hoặc một số hình thức: kiểm tra thực hành kỹ năng nghề; thực hiện hoặc trình diễn sản phẩm thực hành, sản phẩm nghề nghiệp, tác phẩm nghệ thuật; đánh giá hồ sơ năng lực nghề nghiệp hoặc hình thức đánh giá khác phù hợp với đặc thù của ngành, nghề theo quy chế đánh giá của cơ sở, trong đó quy định cụ thể nội dung, tiêu chí, phương pháp đánh giá và yêu cầu đạt đối với từng ngành, nghề.

4. Việc đánh giá trực tiếp được thực hiện thông qua Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này. Việc tổ chức đánh giá và xử lý kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này và quy chế đánh giá của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

5. Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề, người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định công nhận kết quả đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề cho người đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 19. Cấp và quản lý Chứng chỉ năng lực thực hành nghề

1. Chứng chỉ năng lực thực hành nghề do người đứng đầu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 Thông tư này cấp cho người có quyết định công nhận kết quả đánh giá đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 17 hoặc Điều 18 Thông tư này.

2. Việc quản lý, cấp và sử dụng Chứng chỉ năng lực thực hành nghề được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về việc cấp, cấp lại, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ Chứng chỉ năng lực thực hành nghề vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp theo quy định về quản lý văn bằng, chứng chỉ và lộ trình chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát và hậu kiểm việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình bồi dưỡng chi tiết, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, học liệu và ngân hàng đề đánh giá; việc tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kết quả bồi dưỡng, đánh giá trực tiếp và cấp, quản lý Chứng chỉ năng lực thực hành nghề của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát việc quản lý, khai thác, cập nhật thông tin, dữ liệu về hoạt động bồi dưỡng, đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

4. Định kỳ tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Thông tư (nếu cần thiết).

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Rà soát năng lực thực hành nghề của đội ngũ giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn nghề nghiệp; trên cơ sở đó xác định nhu cầu của giảng viên, giáo viên chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm hoặc theo từng giai đoạn.

2. Chủ động phối hợp hoặc liên kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 Thông tư này, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp để tổ chức cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp tham gia bồi dưỡng hoặc đánh giá trực tiếp năng lực thực hành nghề theo kế hoạch.

3. Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và bố trí công việc giảng dạy phù hợp; chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước giao, nguồn thu hợp pháp của cơ sở và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với giảng viên, giáo viên được cử tham gia bồi dưỡng hoặc đánh giá trực tiếp theo quy định của pháp luật.

4. Theo dõi, giám sát, hỗ trợ và đánh giá việc vận dụng năng lực thực hành nghề của giảng viên, giáo viên sau bồi dưỡng vào thực tiễn giảng dạy thực hành, vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành tại cơ sở.

5. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế hỗ trợ giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp tự học tập, tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực hành nghề và tham gia đánh giá trực tiếp để công nhận năng lực thực hành nghề, cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

1. Bảo đảm duy trì các tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 Thông tư này phù hợp với từng ngành, nghề trong suốt quá trình tổ chức bồi dưỡng và đánh giá năng lực thực hành nghề.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng chi tiết; tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và đánh giá năng lực thực hành nghề

theo đúng chương trình bồi dưỡng chi tiết, quy chế đánh giá của cơ sở và quy định tại Thông tư này.

3. Tổ chức đánh giá trực tiếp năng lực thực hành nghề theo quy định tại Điều 18 Thông tư này; bảo đảm việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, đúng tiêu chí, yêu cầu và quy chế đánh giá; phòng ngừa xung đột lợi ích trong quá trình đánh giá.

4. Chủ động phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc cơ sở khác có hoạt động nghề nghiệp phù hợp để tổ chức cho người học thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế; bảo đảm nội dung thực hành, thực tập phù hợp với ngành, nghề và yêu cầu của chương trình bồi dưỡng.

5. Quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, kết quả bồi dưỡng, kết quả đánh giá và thông tin về Chứng chỉ năng lực thực hành nghề theo quy định của pháp luật; bảo đảm an toàn, chính xác và khả năng truy xuất thông tin khi cần thiết.

6. Cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề cho người đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư này; quản lý và cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu về việc cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và quy định của pháp luật về văn bằng, chứng chỉ.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin theo yêu cầu và chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền đối với việc tổ chức bồi dưỡng, đánh giá và cấp Chứng chỉ năng lực thực hành nghề theo quy định của pháp luật.

8. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp, chuyên gia và người lao động có nhu cầu bồi dưỡng hoặc tham gia đánh giá trực tiếp tự học tập, tự bồi dưỡng năng lực thực hành nghề và hỗ trợ công tác bồi dưỡng, đánh giá năng lực thực hành nghề theo quy định.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khóa bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh hoặc khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện bồi dưỡng, đánh giá và cấp chứng chỉ cho người học theo chương trình bồi dưỡng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho đến khi kết thúc khóa học.

2. Các Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị sử dụng. Việc công nhận văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và danh hiệu đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 25/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giảng viên cao đẳng và khoản 5, khoản 6 Điều 13 Thông tư số 24/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên sơ cấp, giáo viên trung cấp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL; Cục TT và TT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG

Số: 42 / SY-VP

SAO Y

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Nơi nhận:
- CT, PCT Đ.T.Đức;
- Các Sở: GDĐT, VHTTDL, YT;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố (do Sở GDĐT sao gửi);
- Cổng TTĐT TP (đăng tải);
- Lưu: VT, L.T.Hiển.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thanh Hùng

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL; Cục TT và TT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
VTHỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG

Số: 42 / SY-VP

SAO Y

Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Nơi nhận:
- CT, PCT Đ.T.Đức;
- Các Sở: GDĐT, VHTTDL, YT;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố (do Sở GDĐT sao gửi);
- Cổng TTĐT TP (đăng tải);
- Lưu: VT, L.T.Hiền.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thanh Hùng